

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 17-3-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nguyễn Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Bùi Thị Kim Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2020/TLST-DS ngày 03-12-2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 25-01-2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh B (Có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982; địa chỉ: phường T, thành phố V, tỉnh B (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn:* Ông Lê Biên P, Luật sư Đoàn luật sư tỉnh B (Có mặt).

*Bị đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1976, ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 6 ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh B. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Tại đơn khởi kiện ngày 10-10-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Nguyễn Cẩm T và đại diện cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Do có mối quan hệ từ trước giữa hai bên gia đình, ngày 20/12/2018 bà Trần Nguyễn Cẩm T có cho bà Trần Thị B, ông Nguyễn Quốc T vay số tiền là 100.000.000đ, giấy vay tiền không có thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận bên ngoài với nhau là lãi suất là 2.000.000đ/tháng, thời hạn vay là 1 năm, bà T đã nhận được tiền lãi 3 tháng,  $2.000.000đ \times 3 = 6.000.000đ$ . Khi vay thì bà B có thể chấp chiếc xe máy 72 H1 – 21341, xe này bà B đã lấy lại vào ngày

23/3/2019. Bà T độc thân, tiền này là tiền riêng của bà T. Nay bà T không có yêu cầu gì về chiếc xe này, bà T yêu cầu bà B ông T trả cho bà T số tiền là 100.000.000đ, yêu cầu bà B ông T phải trả lãi suất là 20 phần trăm một năm từ ngày 20/3/2019 đến 30/10/2020 số tiền là 34.600.000đ.

- *Bị đơn bà Trần Thị B trình bày:* Bà B thừa nhận bà B và chồng bà B là ông Nguyễn Quốc T có vay của bà T số tiền 100.000.000đ, có ký giấy vay tiền ngày 20/12/2018. Bà B và ông T đồng ý trả số tiền gốc là 100.000.000 đ, không đồng ý trả số tiền lãi từ ngày 20/3/2019 đến 30/10/2020 số tiền là 34.600.000đ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai, không tiến hành phiên hòa giải được.*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Lê Biên P trình bày: Ông P thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.*

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

*Về tố tụng:* Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, có giấy tay vay nợ rõ ràng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhận định:

[1]*Về thẩm quyền:* Đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2]*Về tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]*Về yêu cầu của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T vắng mặt, bị đơn bà B có mặt; nguyên đơn cho rằng có cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng. Bị đơn bà B thừa nhận là bà B và ông T có vay số tiền 100.000.000đ của nguyên đơn, nhưng bà B ông T chưa trả được. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T và bà B phải trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là 100.000.000 đồng.

Xét thấy nguyên đơn và bị đơn có lập giấy tay về việc vay tiền, có chữ ký của người vay tiền là bà Trần Thị B và ông Nguyễn Quốc T, bà B cũng thừa nhận là vợ chồng bà B ông T có vay của bà T số tiền 100.000.000 đ nhưng chưa trả, nên chấp nhận yêu cầu của bà T đối với bà B ông T, buộc bà B ông T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền 100.000.000đ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi từ ngày 20/3/2019 đến 30/10/2020 với số tiền là 34.600.000đ. Xét thấy, giấy tay ghi nợ giữa hai bên không có ghi lãi suất, nhưng thực tế hai bên vẫn có việc trả lãi với nhau, về số tiền trả lãi là bao nhiêu thì hai bên đều không có ghi giấy tờ, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được 3 tháng tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi từ ngày 20/3/2019 đến 30/10/2020 số tiền là 34.600.000đ cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]*Về án phí*: Do có trách nhiệm trả tiền nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là **134.600.000đ x 5% = 6.730.000 đồng**.

[5]*Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

-Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Khoản 2 Điều 26, tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Nguyễn Cẩm T đối với bà Trần Thị B, ông Nguyễn Quốc T.

Buộc bà Trần Thị B, ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Nguyễn Cẩm T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Buộc bà Trần Thị B, ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Nguyễn Cẩm T số tiền lãi từ ngày 20/3/2019 đến 30/10/2020 với số tiền là 34.600.000đ (Ba mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tổng cộng bà Trần Thị B, ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Nguyễn Cẩm T số tiền là 134.600.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B, ông Nguyễn Quốc T phải **chịu là 6.730.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng).**

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Nguyễn Cẩm T là 2.500.000 đồng theo biên lai số 0004572 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên **án (Ngày 17/3/2021)**, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nguyễn Xuân Thu**